

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS - ST
Ngày: 10 đến 12 - 7 - 2019
V/v tranh chấp chia tài sản chung,
chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng.

Ông Nguyễn Duy Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 đến 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - DS ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Lê Thị G, sinh năm 19XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị M, sinh năm 19XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hậu và bà Dương Thanh Hiền - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 19XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lưu Thị M, sinh năm 19XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Chị Lưu Thị L, sinh năm 19XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Chị Lưu Thị L1, sinh năm 20XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Cháu Lưu Thị Ngân G, sinh năm 20XX; địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị K; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đoan – Phó trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Gái trình bày:

Năm 1952 cụ Lê Thị G có mua 1.560 m² diện tích đất nông nghiệp trồng lúa của các hộ cá thể ở đồng thôn Cổ Duy, xã Quang Phục. Khoảng năm 1975, 1976 cụ Gái đổi ruộng sang ngang không vào Hợp tác xã, diện tích đất này được chuyển sang diện tích đất tại thôn Nông Cầu nay thuộc khu 6 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

Năm 1965 cụ Gái xây dựng gia đình với cụ Lưu Văn T (Lấy làm vợ hai). Cụ G ở cùng cụ T được khoảng 05 năm tại thôn Lật Khê, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng và có với cụ T và có 02 người con là Lưu Văn T, sinh năm 19XX và Lưu Thị M, sinh năm 19XX sau đó cụ Gái chuyển về thôn Trung Lãng, xã Minh Đức nay là khu 3 thị trấn Tiên Lãng ở.

Năm 2004 cụ T mất, năm 2013 ông T mất. Ông T có vợ là Phạm Thị K và có 03 con là Lưu Thị Lưu Thị L, sinh năm 19XX; Lưu Thị L1, sinh năm 20XX và Lưu Thị Ngân G, sinh năm 20XX.

Năm 2017, UBND huyện Tiên Lãng thu hồi diện tích đất 1.238,4 m² trong số 1.560 m² trên của cụ G để xây dựng Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng. Tổng số tiền đền bù cho diện tích đất nông nghiệp nói trên là 473.911.200 đồng. Cụ G không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về số tiền đền bù trên, nhưng do bà Phạm Thị K có tranh chấp với cụ G về số tiền đền bù nên cụ G chưa nhận được tiền bồi thường. Cụ G cho rằng diện tích đất 1.238,4 m² Nhà nước đã thu hồi là đất do cụ G bỏ tiền ra mua nên toàn bộ số tiền đền bù này là của cụ G, sau khi lấy được tiền đền bù, cụ G cho ai, cho bao nhiêu là quyền của cụ G. Do vậy cụ G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền đền bù là 473.911.200 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm đồng) theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị K trình bày: Bà K kết hôn với ông Lưu Văn T (con trai cụ G) năm 1997, bà K và ông T có 03 con là: Lưu Thị L, sinh năm 1998, Lưu Thị L1, sinh năm 2000 và Lưu Thị Ngân G, sinh năm 2012. Khi lấy ông T, bà K đã thấy gia đình chồng bà sản xuất, canh tác trên 1.560 m² diện tích đất nông nghiệp tại khu 6 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng. Năm 2013, ông T mất, năm 2017, UBND huyện Tiên Lãng thu hồi 1.238,4 m² trong số 1.560 m² diện tích đất nông nghiệp của gia đình để xây dựng Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng và được đền bù tổng số tiền là 473.911.200 đồng. Bà K không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về số tiền đền bù. Bà K cho rằng trong số tiền đền bù này thì ông Lưu Văn T (chồng bà) cũng được hưởng một phần. Do vậy bà K đề nghị Tòa án chia số tiền mà chồng bà được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Thị M trình bày: Bà M hoàn toàn nhất trí với nội dung đơn khởi kiện của cụ Lê Thị G (mẹ bà), bà M không khiếu nại hay thắc mắc gì về số tiền Nhà nước đã đền bù. Theo bà M thì nguồn gốc diện tích đất 1.238,4 m² Nhà nước đã thu hồi là đất do cụ G bỏ tiền ra mua nên toàn bộ số tiền 473.911.200 đồng Nhà nước đã đền bù là của cụ G. Bà M, ông T và vợ con ông T không có quyền lợi gì vì không được Nhà nước đền bù.

Chị Lưu Thị L và Lưu Thị L1 trình bày: Chị L và chị L1 là con của bố T, mẹ K. Năm 2013 bố các chị mất, các chị ở cùng với mẹ và bà nội. Năm 2017, UBND huyện Tiên Lãng đã thu hồi diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà nội các chị và được bồi thường tổng số tiền là 473.911.200 đồng. Trong số tiền bồi thường này có các khoản bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp và tiền hỗ trợ ổn định đời sống.

Theo chị L thì bố chị (ông T) được 1/3 số tiền bồi thường đất nông nghiệp, ngoài ra gia đình chị còn được nhà nước hỗ trợ tiền ổn định đời sống. Do vậy gia đình chị (mẹ và 03 chị em chị) phải được chia với tổng số tiền là 186.600.000 đồng.

Theo chị L1 thì số diện tích đất Nhà nước đã thu hồi và đền bù là của cụ Gái (bà nội chị) và bố chị, cô Mỹ không có quyền lợi nên bố chị phải được 1/2 số tiền nhà nước đã đền bù, cùng với số tiền hỗ trợ ổn định đời sống mà mẹ và 03 chị em chị được hưởng thì tổng số tiền gia đình chị (mẹ và 03 chị em chị) phải được bồi thường là 243.400.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật cháu Lưu Thị Ngân G trình bày: Đề nghị Tòa án chia số tiền Nhà nước đã đền bù đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi và số tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho cháu G theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tiên Lãng trình bày: Năm 2017, UBND huyện Tiên Lãng tiến hành thu hồi 1.238,4 m² trong số 1.560 m² diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Lê Thị G, tại tờ bản đồ số 4, 7 thửa số 20, 22, 34 khu đồng Dồi, thuộc khu 6, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải

Phòng. Trong đó có 1.221 m² đất nông nghiệp trong hạn ngạch và 17,4m² đất ngoài hạn ngạch. Tổng số tiền bồi thường cho hộ gia đình cụ G là 473.911.200 đồng. Trong số tiền bồi thường này có 450.511.200 đồng là tiền bồi thường cho diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình cụ G gồm 03 nhân khẩu (Cụ Lê Thị G, ông Lưu Văn T và bà Lưu Thị M) và 23.400.000 đồng là tiền hỗ trợ ổn định đời sống gồm 05 nhân khẩu gồm: Cụ Lê Thị G, bà Phạm Thị K, chị , chị L1 và cháu G).

Tiến hành xác minh, kết quả cho thấy:

Về nguồn gốc 1.238,4 m² diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tại khu 6 thị trấn Tiên Lãng của hộ cụ Lê Thị G để xây dựng Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng có nguồn gốc như sau: Năm 1976 hộ cụ Lê Thị G là hộ gia đình cá thể (Không thuộc xã viên hợp tác xã) nên được chia dồn đất nông nghiệp tại khu vực giáp ranh với thôn La Cầu, xã Quyết Tiến (nay thuộc khu 6 thị trấn Tiên Lãng) với diện tích là 1.560 m². Thời điểm này, hộ gia đình cụ G gồm 03 nhân khẩu là cụ Lê Thị G và 02 con của cụ G là ông Lưu Văn T và bà Lưu Thị M. Thời điểm giao đất nông nghiệp, cá nhân theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1994 thì số diện tích đất nông nghiệp bình quân của hộ cụ G đang sử dụng phù hợp với diện tích đất nông nghiệp theo mức bình quân giao đất của xã Minh Đức (nay là thị trấn Tiên Lãng) nên hộ gia đình cụ G không được giao thêm và cũng không bị lấy ra. Đất sản xuất nông nghiệp theo mức bình quân của địa phương tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1994 là 13 thước bắc bộ tương ứng 312 m² cho một nhân khẩu.

Về quá trình sử dụng và số nhân khẩu của hộ gia đình cụ Lê Thị G: Tại thời điểm UBND huyện Tiên Lãng thu hồi đất diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ Lê Thị G thì diện tích đất này đang do cụ G quản lý, sử dụng chung, không chia nhỏ cho các con và đang cho người khác thuê để canh tác cây rẽ. Cũng tại thời điểm này, hộ gia đình cụ Lê Thị G có 05 nhân khẩu gồm: Cụ Lê Thị G, bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và Lưu Thị Ngân G.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chia số tiền 473.911.200 đồng Nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và đại diện theo pháp luật của cháu Lưu Thị Ngân G đồng quan điểm với phía bị đơn và đề nghị Tòa án chia số tiền 473.911.200 đồng Nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tiên Lãng trình bày: 1.238,4m² trong số 1.560 m² diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Lê Thị G là đất Nhà nước giao cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1994. Tại thời

điểm giao đất gia đình cụ G gồm 03 nhân khẩu (Cụ Lê Thị G, ông Lưu Văn T và bà Lưu Thị M). So với mức bình quân giao đất của địa phương tại thời điểm giao đất thì tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ G cao hơn mức bình quân, nhưng do đất của hộ gia đình cụ G có nguồn gốc do cụ G mua nên địa phương không thu hồi diện tích đất cao hơn này. Về phương án bồi thường: Căn cứ vào các quy định, hướng dẫn hiện hành, UBND huyện Tiên Lãng đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình cụ Lê Thị G trên cơ sở số thành viên trong gia đình được giao đất giao đất và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trên cơ sở số thành viên trong gia đình tại thời điểm thu hồi đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX khi giải quyết số tiền bồi thường và hỗ trợ phải xem xét đến nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là đất do cụ G mua và là người trực tiếp quản lý sử dụng nên phần công sức đóng góp của cụ G đối với diện tích đất này cao hơn những người còn lại trong gia đình. Ngoài ra đề nghị HĐXX xem xét cho cụ G được hưởng toàn bộ số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và tiền bồi thường tài sản hoa màu trên đất.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quá trình xét xử cho thấy:

Về nguồn gốc đất: 1.238,4 m² diện tích đất nông nghiệp là đất được Nhà nước giao cho hộ cụ G gồm 03 nhân khẩu là cụ G, bà M và ông T.

Về cách thức chia tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích 1.238,4 m² đất nông nghiệp cụ thể như sau:

Về số tiền bồi thường: Tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ là 473.911.200 đồng. Trong đó tiền bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi là 450.511.200 đồng, số tiền này được chia cho 03 người (cụ G, bà M và ông T), tương ứng mỗi người được hưởng 150.170.400 đồng. Tiền hỗ trợ ổn định đời sống là 23.400.000 đồng, số tiền này được chia cho 05 người (cụ G và 04 mẹ con bà K), tương ứng mỗi người được hưởng 4.680.000 đồng.

Do ông T đã chết năm 2013, không để lại di chúc nên 150.170.400 đồng, di sản thừa kế của ông T được chia đều cho 05 người (cụ G, bà K, chị L, L1 và cháu G) tương ứng với mỗi người được hưởng là: $150.170.400 \text{ đồng} / 5 = 30.034.080 \text{ đồng} / 1 \text{ người}$.

Như vậy, số tiền bồi thường, hỗ trợ cụ G được hưởng là: 150.170.400 đồng + 30.034.080 đồng + 4.680.000 đồng = 184.884.480 đồng; số tiền bồi thường bà M được hưởng là 150.170.400 đồng; số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà K, chị L, L1, G mỗi người được hưởng là 30.034.080 đồng + 4.680.000 đồng = 34.714.080 đồng.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 1, Điều 3, khoản 4 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 13, khoản 8 Điều 14, Điều 21, Điều 28, Điều 49 Luật đất đai năm 1987; các Điều 16, điểm d khoản 3 Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 83, 84 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng: Các Điều 102; 212; 623; 650; 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chia số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của cụ Lê Thị G, bà Lưu Thị M, bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và Lưu Thị Ngân G cụ thể như sau: Cụ G được hưởng 184.884.480 đồng; bà M được hưởng 150.170.400 đồng; bà K, chị L, L1 và G mỗi người được hưởng 34.714.080 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Lê Thị G, bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và Lưu Thị Ngân G. Bà Lưu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Cụ Lê Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với bà Phạm Thị K; địa chỉ: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về số tiền đền bù: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình cụ Lê Thị G và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với 1.238,4m² diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ Lê Thị G thì tổng số tiền được bồi thường và hỗ trợ là 473.911.200 đồng, trong đó có 450.511.200 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (gồm diện tích đất lúa bị thu hồi, hỗ trợ chuyển đổi nghề và việc làm, tài sản hoa màu trên đất) và 23.400.000 đồng tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với 05 nhân khẩu của hộ cụ G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều không có ý kiến gì về số tiền bồi thường, hỗ trợ này.

[3] Về nguồn gốc đất được giao và số nhân khẩu được giao đất:

Theo quy định của pháp luật về đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, đặc biệt đất nông nghiệp là tư liệu sản xuất. Do vậy năm 1994 Nhà nước thực hiện việc giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình trên cơ sở bình quân đất nông nghiệp tại địa phương theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Theo các văn bản trả lời của UBND huyện Tiên Lãng và Biên bản xác minh tại UBND thị trấn Tiên Lãng đã xác định: Năm 1976 hộ cụ Lê Thị G là hộ gia đình cá thể (Không thuộc xã viên hợp tác xã) nên được chia dồn đất nông nghiệp tại khu vực giáp ranh với thôn La Cầu, xã Quyết Tiến (nay thuộc khu 6 thị trấn Tiên Lãng) với diện tích là 1.560 m². Thời điểm này, hộ gia đình cụ G gồm 03 nhân khẩu là cụ Lê Thị G và 02 con của cụ G là ông Lưu Văn T và bà Lưu Thị M. Thời điểm giao đất nông nghiệp, cá nhân theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1994 thì số diện tích đất nông nghiệp bình quân của hộ cụ G đang sử dụng phù hợp với diện tích đất nông nghiệp theo mức bình quân giao đất của xã Minh Đức (nay là thị trấn Tiên Lãng) nên hộ gia đình cụ G không được giao thêm và cũng không bị lấy ra. Do vậy 1.238,4 m² diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ G bị thu hồi là đất nông nghiệp do Nhà nước giao.

Căn cứ vào nguồn gốc đất được giao và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện Tiên Lãng thì số tiền được bồi thường phải được chia cho những người trong hộ gia đình được giao đất nông nghiệp.

Đối với việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xem xét cho cụ G được hưởng toàn bộ số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và tiền bồi thường tài sản hoa màu trên đất; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chia đều số tiền 450.511.200 đồng cho 03 người là cụ G, ông T và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu là tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình được tính toán trên số thành viên được giao đất cũng như các quy định của pháp luật và khung giá của Nhà nước. Tuy nhiên khi xem xét đến số tiền cụ thể của từng cá nhân cần xem xét đến công sức đóng góp của từng thành viên, ai có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được hưởng phần nhiều hơn, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về công sức đóng góp của cụ G và số tiền của mỗi cá nhân được hưởng: Mặc dù đã xác định nguồn gốc đất bị thu hồi là do Nhà nước giao, tuy nhiên cần xem xét đến trước thời điểm hộ gia đình cụ G được giao đất thì đất có nguồn gốc do cụ G mua, nên tại thời điểm Nhà nước giao đất nông nghiệp diện tích đất hộ cụ G đang quản lý sử dụng cao hơn mức diện tích đất bình quân được giao tại địa phương, nhưng địa phương không lấy ra mà vẫn để hộ cụ G tiếp tục quản lý sử dụng. Mặt khác tại thời điểm thu hồi đất, cụ G cũng là người trực tiếp quản lý sử dụng và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Do vậy công sức đóng góp của cụ G đối với diện tích đất bị thu hồi cao hơn những thành viên còn lại. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không đưa ra được số tiền cụ thể đối

với việc đóng góp này, nên khi chia số tiền đền bù cho các cá nhân trong hộ gia đình cần xem xét công sức đóng góp của cụ G với mức bằng 1/10 tổng số tiền được đền bù tương ứng với số tiền $450.511.200 \text{ đồng} / 10 = 45.051.120 \text{ đồng}$. Số tiền còn lại là $405.370.080 \text{ đồng}$ được chia đều cho 03 người gồm: Cụ Lê Thị G, ông Lưu Văn T và bà Lưu Thị M, tương ứng với số tiền mỗi người được hưởng là $405.460.080 \text{ đồng} / 3 \text{ người} = 135.153.360 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền 23.400.000 đồng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, đây là số tiền hỗ trợ cho 05 nhân khẩu của hộ gia đình cụ G tại thời điểm thu hồi đất gồm: Cụ Lê Thị G, bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và Lưu Thị Ngân G. Do vậy số tiền này được chia đều cho 05 người, tương ứng mỗi người được hưởng số tiền là: $23.400.000 \text{ đồng} / 5 \text{ người} = 4.680.000 \text{ đồng}$.

[5] Về chia di sản thừa kế: Đối với số tiền 135.153.360 đồng ông Lưu Văn T được hưởng. Năm 2013 ông T chết nhưng không để lại di chúc và ông T cũng không có công nợ gì nên phần di sản này được chia theo pháp luật thừa kế. Căn cứ các Điều 623, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự, thì những người được hưởng thừa kế gồm 05 người: Cụ G (mẹ ông T), bà K (vợ ông T), chị L, chị L1 và cháu G (con ông T), tương ứng mỗi người được hưởng số tiền là: $135.153.360 \text{ đồng} / 05 \text{ người} = 27.030.672 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền công sức đóng góp, tiền bồi thường, tiền hỗ trợ ổn định đời sống và di sản thừa kế của ông Thạch để lại của cụ Lê Thị G được hưởng là: $45.051.120 \text{ đồng}$ (Tiền công sức đóng góp) + $135.153.360 \text{ đồng}$ (Tiền bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi) + $4.680.000 \text{ đồng}$ (Tiền hỗ trợ ổn định đời sống) + $27.030.672 \text{ đồng}$ (Di sản thừa kế của ông Thạch) = $211.915.152 \text{ đồng}$.

Số tiền bồi thường bà Lưu Thị M được hưởng là: $135.153.360 \text{ đồng}$ (Tiền bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi).

Số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và di sản thừa kế của ông T để lại của bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, chị Lưu Thị L1 và cháu Lưu Thị Ngân G mỗi người đều được hưởng số tiền là: $4.680.000 \text{ đồng}$ (Tiền hỗ trợ ổn định đời sống) + $27.030.672 \text{ đồng}$ (Di sản thừa kế của ông Thạch) = $31.710.672 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm d Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị M, Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và Lưu Thị Ngân G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do cụ Lê Thị G và bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và cháu Lưu Thị Ngân G là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 1, 3, 9, 13 Điều 28 và khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai năm 1987; Căn cứ các Điều 16, 62, 66, 74, 83, 84; Điều 90 và Điều 210 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 30 ngày 02/6/2014 và Thông tư số 37 ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường.

Căn cứ các Điều 102, 212, 219, 623, 650 Điều 651 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Tuyên xử:

Cụ Lê Thị G được hưởng tổng số tiền là 211.915.152 đồng (Hai trăm mười một triệu chín trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi hai đồng).

Bà Lưu Thị M được hưởng số tiền là 135.153.360 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và cháu Lưu Thị Ngân G mỗi người đều được hưởng tổng số tiền là 31.710.672 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng). Người đại diện theo pháp luật của cháu Lưu Thị Ngân G là bà Phạm Thị K có trách nhiệm nhận tiền cho cháu Giang.

Toàn bộ số tiền trên đã được Trung tâm phát triển quỹ đất nộp vào tài khoản của trung tâm, số tài khoản: 3741.0.3013265.92001 tại Kho bạc nhà nước huyện Tiên Lãng.

Về án phí:

Bà Lưu Thị M phải chịu 6.757.668 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với cụ Lê Thị G, bà Phạm Thị K, chị Lưu Thị L, Lưu Thị L1 và cháu Lưu Thị Ngân G.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính